

Số: 37 /2018/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 18 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi một số nội dung tại Quy định chế độ trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT- BLĐTBXH- BTC ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 2 và Khoản 4 Điều 11 Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-*

*BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 210/TTr-SLĐTBXH ngày 29 tháng 10 năm 2018.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi một số nội dung tại Quy định chế độ trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Yên Bái ban hành kèm theo Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái, cụ thể như sau:

1. Điểm đ, Khoản 2, Điều 5 được sửa đổi như sau:

“đ) Khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng với mức 10.000.000 đồng/người”.

2. Điểm a, Khoản 2, Điều 6 được sửa đổi như sau:

“a) Người bị thương nặng do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác tại nơi cư trú hoặc ngoài nơi cư trú được xem xét hỗ trợ 3.000.000 đồng/người”.

3. Điểm b, Khoản 2, Điều 6 được sửa đổi như sau:

“b) Trường hợp người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc thì cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cấp cứu, chữa trị cho đối tượng quyết định hỗ trợ 3.000.000 đồng/người”.

4. Khoản 3, Điều 6 được sửa đổi như sau:

“3. Hỗ trợ chi phí mai táng: Hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn; tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức 10.000.000 đồng/người. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết với lý do trên không phải tại địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó thì được hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, nhưng không quá 10.000.000 đồng/người”.

5. Tại gạch đầu dòng thứ nhất của Điểm a, Khoản 4, Điều 6 được sửa đổi như sau:

“- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai, hỏa hoạn hoặc lý do bất khả kháng

khác mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức 25.000.000 đồng/hộ”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đỗ Đức Duy**